

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31/8/2022.

Về việc: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Bá Diễn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Mỹ và bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỳ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp 6, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Q, bà T đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2022 và bản tự khai đề ngày 22/6/2022 nguyên đơn ông Bùi Văn Q trình bày:*

Ông và bà Vũ Thị T chung sống vợ chồng từ năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 14/01/2021. Sau khi kết hôn, ông và bà T chung sống được khoảng 02 tháng tại tỉnh Hà Nam thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung nên từ

đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, gia đình bất hoà, không hạnh phúc. Bà T đã bỏ vào Nam sinh sống cùng con cháu tổ 9, ấp 6, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, ông và bà T đã sống ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa và cũng không có ai đặt vấn đề quay lại sống chung. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không hòa giải được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Ông và bà T chưa có con chung, không có nợ chung và ông không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng.

** Tại bản tự khai ngày 25/7/2022, bị đơn bà Vũ Thị T trình bày:*

Bà và ông Bùi Văn Q tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân phường C, thị xã D, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 14/01/2021. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại phường C, thị xã D, tỉnh H được khoảng 02 tháng thì xảy ra mâu thuẫn trong tình cảm, quan điểm vợ chồng không đồng nhất nên bà không sống với ông Q nữa mà chuyển vào sinh sống tại tổ 9, ấp 6, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai và hai bên ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Q.

Bà và ông Q chưa có con chung, không có nợ chung và bà cũng không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng.

** Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- *Về tố tụng:* Việc Tòa án xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và các thủ tục tố tụng mà Tòa án, Hội đồng xét xử đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung tranh chấp: Qua các tài liệu, chứng cứ các bên đã giao nộp và được Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Q và bà T đã trầm trọng, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai đều đồng ý ly hôn. Ông Q, bà T không có con chung, không ai yêu cầu chia tài sản chung và đều khai không có nợ chung. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q. Ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Bùi Văn Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vũ Thị T, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ 9, ấp 6, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn là ông Q và bị đơn là bà T đều có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên việc hòa giải giữa hai bên không thể tiến hành được. Tòa án đã thông báo và gửi kết quả công khai chứng cứ cho các đương sự, không ai có ý kiến gì nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, tuy vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn nhưng các đương sự đều đã có đơn xin được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 207, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Q, bà T.

[2] Về nội dung:

Ông Bùi Văn Q và bà Vũ Thị T chung sống với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 14/01/2021 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của ông Q về việc xin ly hôn với bà T thì thấy: Mâu thuẫn giữa ông Q và bà T đã trầm trọng đến mức phải sống ly thân. Điều này được cả ông Q và bà T thừa nhận. Trong thời gian ly thân, ông bà không còn quan tâm gì đến nhau nữa, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc người kia muốn sống ra sao thì sống, chứng tỏ tình yêu thương không còn, trách nhiệm, tình nghĩa vợ chồng đã hết. Trong văn bản gửi Tòa án, chị T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Q và cả hai đều không đồng ý hòa giải để đoàn tụ. Do vậy yêu cầu của anh Q về việc xin ly hôn với chị T là có cơ sở chấp nhận.

Ông Q và bà T đều khai không có con chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, ông Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Q. Ông Bùi Văn Q được ly hôn với bà Vũ Thị T.

2. Về án phí: Ông Bùi Văn Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Q đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004389 ngày 22/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Như vậy, ông Q đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nên các đương sự này đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên)

Bùi Bá Diễn